



Người ký: Ủy ban Nhân dân
Huyện Củ Chi
Email: cuchi@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5087/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 15 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kinh phí mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa IX, tại kỳ họp thứ 13 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách thành phố năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa IX, tại kỳ họp thứ 13 về phân bổ ngân sách thành phố năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Khóa X, tại kỳ họp thứ 16 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 16266/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn huyện;

Căn cứ Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Công văn số 778/GDĐT-CSVC ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc đề xuất mua sắm, sửa chữa nhỏ năm 2021 và Tờ trình số 1486/TTr-TCKH ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện về phê duyệt kinh phí mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách thực hiện mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2021 số tiền: 10.000.134.304 đồng,

Trong đó:

1. Kinh phí mua sắm trang thiết bị chuyên môn, tổng tiền: 5.720.201.000 đồng.

1.1 Trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy học thuộc Khối mầm non (gồm 19 trường), số tiền: 710.681.000 đồng;

1.2 Trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy học thuộc Khối tiểu học và Trường nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật (23 trường), số tiền: 1.994.720.000 đồng;

1.3 Trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy học thuộc Khối trung học cơ sở (17 trường), số tiền: 2.894.800.000 đồng;

1.4 Kinh phí trang trí của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện, số tiền: 120.000.000 đồng;

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Kinh phí sửa chữa, số tiền: 4.279.933.304 đồng.

2.1 Các công trình yêu cầu kỹ thuật cao và có giá trị từ 200.000.000 đồng, với kinh phí dự kiến: 3.842.749.449 đồng.

2.2 Các công trình còn lại với kinh phí dự kiến: 437.183.855 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

* Nguồn kinh phí: Cân đối từ kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2021: 10.000.134.304 đồng.

Điều 2. Chấp thuận bổ sung dự toán kinh phí chi không thường xuyên năm 2021 đối với các đơn vị để thực hiện mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2021 số tiền: 10.000.134.304 đồng (Mười tỷ, một trăm ba mươi bốn ngàn, ba trăm lẻ bốn đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

3.1 Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện làm chủ đầu tư các nội dung 1.1, 1.2, 1.3 và 2.1 của Điều 1. Căn cứ tình hình thực tế khảo sát chi tiết tại các trường, chủ đầu tư có trách nhiệm lập dự toán phù hợp, đảm bảo tổng dự toán không vượt kinh phí đã giao cho từng khối, tổ chức thực hiện mua sắm, sửa chữa theo trình tự, thủ tục và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành và bàn giao lại cho các đơn vị sử dụng.

3.2 Giao Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện:

- Căn cứ Quyết định giao dự toán bổ sung, lập và gửi dự toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra, nhập dự toán;

- Làm chủ đầu tư các nội dung 1.4 và 2.2 của Điều 1, thực hiện mua sắm, sửa chữa theo trình tự, thủ tục và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành.

- Đối với các danh mục mua sắm không được giải quyết kinh phí theo đề xuất của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện, số tiền 21.301.991.000 đồng (*Hai mươi một tỷ, ba trăm lẻ một triệu, chín trăm chín mươi một ngàn đồng*) (theo Phụ lục 01 đính kèm), đề nghị các đơn vị tự rà soát những danh mục mua sắm bức xúc cần thiết, ưu tiên trang bị trong năm 2021; những tài sản còn lại các đơn vị lựa chọn, sắp xếp phù hợp để trang bị dần trong những năm tiếp theo, nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các trang thiết bị phục vụ yêu cầu giảng dạy. **Nguồn kinh phí, đơn vị chủ động cân đối từ Dự toán được giao hằng năm, nguồn thu từ hoạt động tin học, thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, để thực hiện mua sắm.** Việc triển khai mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ..., các đơn vị phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo đúng quy định. Kịp thời cập nhật tình hình tăng, giảm tài sản vào Chương trình phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

3.3 Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

- Đề xuất nguồn kinh phí mua sắm tập trung và nguồn kinh phí thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh thành phố theo định hướng chuẩn quốc tế giai đoạn 2021-2030" gửi Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố.

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện, kiểm tra việc sử dụng kinh phí và tổ chức thực hiện mua sắm, quản lý sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Củ Chi, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện, Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Lưu: VT, P.TCKH.02.PTMai.70.



Phạm Thị Thanh Hiền

TỔNG HỢP KINH PHÍ
MUA SẴM TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2021
(Đính kèm Quyết định số **5087/QĐ**- UBND ngày **15** tháng **7** năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác				
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
	Năm 2021			5.720.201.000	0	120.000.000	0	5.600.201.000	21.301.991.000	0	27.022.192.000	
1	Khối Mầm non			710.681.000	0	0	0	710.681.000	5.293.301.000	0	6.003.982.000	
1	Trường MN Tân An Hội 2	- Rèm che hành lang chống mưa, nâng cho học sinh trong giờ ăn (24 khung 2,9mx3,0m): 208.8 m2x412.000 đồng=86.025.600 đồng - Máy vi tính phòng kidsmart cho bé: 12 Bộx12.650.000 đồng=151.800.000 đồng - Sân gỗ phòng thể dục : 75 m2x350.000 đồng=26.250.000 đồng - Sân gỗ phòng âm nhạc: 75 m2x350.000 đồng=26.250.000 đồng - Thảm cỏ nhân tạo sân khu vui chơi liên hoàn của trẻ: 225 m2x345.000 đồng=77.625.000 đồng - Thảm cỏ khu chơi hoạt động trẻ: 1.167 m2x345.000 đồng=402.615.000 đồng	- Rèm che hành lang chống mưa, nâng cho học sinh trong giờ ăn (24 khung 2,9mx3,0m): 208.8 m2x412.000 đồng=86.025.600 đồng	86.025.600	0	0	0	86.025.600	684.540.000		770.565.600	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	2 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
2	Trường MN Hòa Phú	- Bàn ghế học sinh: (1 bàn 2 ghế): + nhà trẻ (25-36 tháng): 12 bộ: 12 bộx1.100.000 đồng=13.200.000 đồng + mầm (3-4 tuổi): 30 bộ: 30 bộx1.100.000 đồng=33.000.000 đồng + chổi (4-5tuổi): 30 bộ: 30 bộx1.100.000 đồng=33.000.000 đồng + lá (5-6tuổi): 60 bộ: 60 bộx1.100.000 đồng=66.000.000 đồng - Đồ dùng đồ chơi theo danh mục 3141: + nhà trẻ (25-36 tháng): 01 bộ: 1 bộx115.000.000 đồng=115.000.000 đồng + mầm (3-4 tuổi): 02 bộ: 2 bộx198.000.000 đồng=396.000.000 đồng + chổi (4-5tuổi): 03 bộ: 3 bộx125.000.000 đồng=375.000.000 đồng + lá (5-6tuổi): 03 bộ: 3 bộx136.000.000 đồng=408.000.000 đồng - Bàn họp, ghế văn phòng trường (30 người): 1 bộx51.000.000 đồng=51.000.000 đồng - Máy chiếu + màn chiếu cho văn phòng trường: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng - 20 cái kệ đồ chơi cá nhân cho lớp nhà trẻ: 20 cáix1.600.000 đồng=32.000.000 đồng - Thảm phòng âm nhạc: 84 m2x350.000 đồng=29.400.000 đồng	- Bàn ghế học sinh: (1 bàn 2 ghế): + nhà trẻ (25-36 tháng): 12 bộ: 12 bộx1.100.000 đồng=13.200.000 đồng + mầm (3-4 tuổi): 30 bộ: 30 bộx1.100.000 đồng=33.000.000 đồng + chổi (4-5tuổi): 30 bộ: 30 bộx1.100.000 đồng=33.000.000 đồng + lá (5-6tuổi): 60 bộ: 60 bộx1.100.000 đồng=66.000.000 đồng	145.200.000	0	0	0	145.200.000	1.626.650.000		1.771.850.000	
3	Trường MN Tân Phú Trung 2	- Bộ bàn ghế học sinh dành cho trẻ 5 tuổi: 40 bộx1.100.000 đồng=44.000.000 đồng	- Bộ bàn ghế học sinh dành cho trẻ 5 tuổi: 40 bộx1.100.000 đồng=44.000.000 đồng	44.000.000	0	0	0	44.000.000	0	0	44.000.000	
4	Trường MN Tân Thông Hội I	-Máy in 02 mặt: 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng - Tủ hồ sơ: 1 cáix4.500.000 đồng=4.500.000 đồng -Bàn gỗ hội trường loại 02 chỗ: 50 cáix3.200.000 đồng=160.000.000 đồng	-Máy in 02 mặt: 1 cáix5.500.000	5.500.000	0	0	0	5.500.000	164.500.000	0	170.000.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	3 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bản trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
5	Trường MN Phú Hòa Đông	'- Bộ bàn ghế nhựa cho học sinh lớp trẻ 2 tuổi và trẻ 3 tuổi : 80 bộx1.100.000 đồng=88.000.000 đồng '- Rèm che hành lang chống mưa, nắng cho học sinh trong giờ ăn (61 khung 2,9mx3,0m): 530.7 m2x412.000 đồng=218.648.400 đồng '- Bàn gỗ hội trường (loại 02 chỗ có hộc) : 30 cáix3.200.000 đồng=96.000.000 đồng '- Ghế gỗ hội trường: 60 cáix935.000 đồng=56.100.000 đồng '- Hệ thống âm thanh phòng hội trường: 1 bộx55.000.000 đồng=55.000.000 đồng '- Tủ đựng hồ sơ văn phòng: 6 cáix4.500.000 đồng=27.000.000 đồng '-Bàn làm việc : 3 bộx3.500.000 đồng=10.500.000 đồng '-Bàn tiếp khách cho phòng hiệu trưởng: 1 bộx12.500.000 đồng=12.500.000 đồng	'- Bộ bàn ghế nhựa cho học sinh lớp trẻ 2 tuổi và trẻ 3 tuổi : 80 bộx1.100.000 đồng=88.000.000 đồng '- Rèm che hành lang chống mưa, nắng cho học sinh trong giờ ăn (61 khung 2,9mx3,0m): 530.7 m2x412.000 đồng=218.648.400 đồng	306.648.400	0	0		306.648.400	257.100.000		563.748.400	
6	Trường MN Tân Thông Hội 3	'- Máy in 03 trong 1: 8.500.000đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 5.500.000 đồng	'- Máy in 03 trong 1: 8.500.000 đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 5.500.000 đồng	14.000.000	0	0		14.000.000	0	0	14.000.000	
7	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	'- Bồn rửa tay inox để ngoài sân cho trẻ: 1 bộx7.150.000 đồng=7.150.000 đồng '- Máy in A4 2 mặt: 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng '- Tủ để nệm gối học sinh (2,5x1,5x2 02 tầng): 16 cáix6.500.000 đồng=104.000.000 đồng	'- Bồn rửa tay inox để ngoài sân cho trẻ: 1 bộx7.150.000 đồng=7.150.000 đồng '- Máy in A4 2 mặt: 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng	12.650.000	0	0	0	12.650.000	104.000.000	0	116.650.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	4 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tín học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
8	Trường MN An Nhơn Tây	- Bộ bàn học sinh dành cho trẻ 4-5 tuổi: 36 cái x 1.100.000 đồng = 39.600.000 đồng '- Ghế ngồi dành cho trẻ 4-5 tuổi: 75 cái x 319.000 đồng = 23.925.000 đồng '- Bộ bàn học sinh dành cho trẻ 3-4 tuổi: 12 cái x 1.100.000 đồng = 13.200.000 đồng '- Ghế ngồi dành cho trẻ 3-4 tuổi: 28 cái x 319.000 đồng = 8.932.000 đồng	- Bộ bàn học sinh dành cho trẻ 4-5 tuổi: 36 cái x 1.100.000 đồng = 39.600.000 đồng '- Ghế ngồi dành cho trẻ 4-5 tuổi: 75 cái x 319.000 đồng = 23.925.000 đồng '- Bộ bàn học sinh dành cho trẻ 3-4 tuổi: 12 cái x 1.100.000 đồng = 13.200.000 đồng '- Ghế ngồi dành cho trẻ 3-4 tuổi: 28 cái x 319.000 đồng = 8.932.000 đồng	85.657.000	0	0	0	85.657.000	0	0	85.657.000	
9	Trường MN Thị Trấn Cù Chi 1	- Máy in A4- 2 mặt: 3 cái x 5.500.000 đồng = 16.500.000 đồng '- Tivi: 6 cái x 22.500.000 đồng = 135.000.000 đồng	- Máy in A4 -2 mặt: 2 cái x 5.500.000 đồng = 11.000.000 đồng	11.000.000	0	0	0	11.000.000	140.500.000	0	151.500.000	
10	Trường MN Thị Trấn Cù Chi 3	- Mái che xếp di động (tiền khung sắt + vải bạt + thi công: 250.000đ/m2, tổng số m2 của sân chơi: 25x25 = 625 m2): 625 m2 x 350.000 đồng = 218.750.000 đồng '- Màn hình led hội trường (kích thước màn hình led full dài 8m x cao 3.5m): 28 m2 x 29.500.000 đồng = 826.000.000 đồng '- Bộ dụng cụ inox tổ chức bữa ăn tự phục vụ (xe chia thức ăn các lớp: 06 khay inox có nắp kèm theo; khung xe vuông 30x30mm, giằng vuông 25x25 và 20x20mm; có thanh rào 3 mặt bằng vuông 10x20; hai bên có 02 cánh 250 mm, có thể gấp lên và gấp xuống; có 4 bánh xe đk 100mm: 1 bộ x 6.800.000 đồng = 6.800.000 đồng '- Sàn gỗ phòng thể chất : 70 m2 x 350.000 đồng = 24.500.000 đồng '- Gương mùa và giồng mùa inox 304 cho phòng âm nhạc 70m2: 1 Bộ x 52.500.000 đồng = 52.500.000 đồng '- Máy vi tính phòng kidsmart cho bé: 20 Bộ x 12.650.000 đồng = 253.000.000 đồng		0				0	1.381.550.000		1.381.550.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	5 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
11	Trường MN Tân Thạnh Tây	- Máy chiếu + màn chiếu cho phòng hội trường: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng		0				0	30.500.000		30.500.000	
12	Trường MN Tây Bắc	- Trang bị thảm cỏ nhân tạo trải cho trẻ chơi dưới chân cầu tuột: 200 m2x345.000 đồng=69.000.000 đồng - Máy laptop hỗ trợ máy chiếu, màn hình tương tác: 1 bộx15.000.000 đồng=15.000.000 đồng		0				0	84.000.000		84.000.000	
13	Trường MN Phạm Văn Cội 1	- Máy vi tính cho khối lớp lá: 5 bộx12.650.000 đồng=63.250.000 đồng		0				0	63.250.000		63.250.000	
14	Trường MN Tân Thạnh Đông	- Trang bị máy xay thịt: 1 cáix15.000.000 đồng=15.000.000 đồng - Máy xắt rau củ quả: 1 cáix25.000.000 đồng=25.000.000 đồng - Máng hút khói bếp: 1 cáix60.000.000 đồng=60.000.000 đồng - Kệ để Đồ dùng Đồ chơi cho các lớp: 14 cáix1.600.000 đồng=22.400.000 đồng		0				0	122.400.000		122.400.000	
15	Trường MN Phước Hiệp	- Máy vi tính để bàn: 5 bộx12650000 đồng=63.250.000 đồng		0				0	63.250.000		63.250.000	
16	Trường MN Phước Vĩnh An	- Màn thủy sản treo cửa ra vào nhà bếp (1,4x2,2 - 1x2,2)m: 5,28 m2x450.000 đồng=2.376.000 đồng - Lót sàn gỗ phòng thể chất và phòng âm nhạc: 170 m2x350.000 đồng=59.500.000 đồng - Lót thảm cỏ sân chơi phía trước cho trẻ : 250 m2x345.000 đồng=86.250.000 đồng		0				0	148.126.000		148.126.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	6 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bản trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
I	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
17	Trường MN Trung An 2	- Xe đẩy com 3 tầng: 2 cáix4.900.000 đồng=9.800.000 đồng '- Tủ hấp khăn: 1 cáix65.000.000 đồng=65.000.000 đồng '- Máy giặt: 1 cáix21.000.000 đồng=21.000.000 đồng '- Tủ đựng chén: 2 cáix2.950.000 đồng=5.900.000 đồng '- Bộ cầu trượt liên hoàn: 1 bộx55.000.000 đồng=55.000.000 đồng '- Thảm cỏ nhân tạo: 100 m2x345'000 đồng=34.500.000 đồng '- Bàn ghế thể dục: 3 cáix1.500.000 đồng=4.500.000 đồng '- Cầu trượt thô đơn nhà trẻ: 2 cáix8.500.000 đồng=17.000.000 đồng '- Xe chơi chân cho bé: 5 cáix1.100.000 đồng=5.500.000 đồng '- Bật cao: 3 cáix495.000 đồng=1.485.000 đồng '- Ống chui: 3 cáix8.500.000 đồng=25.500.000 đồng		0				0	245.185.000		245.185.000	
18	Trường MN Tân Thông Hội 2	- Lót sàn nhựa giả gỗ phòng thể chất : 100 m2x350.000 đồng=35.000.000 đồng '- Lót sàn nhựa giả gỗ phòng nhóm trẻ 6-18 tháng : 70 m2x350.000 đồng=24.500.000 đồng		0				0	59.500.000		59.500.000	
19	Trường MN Trung Lập Thượng	- Máy vi tính cho khối lớp lá 5: 5 bộx12.650.000 đồng=63.250.000 đồng '- Trang bị đàn âm thanh cho hội trường: 1 bộx5.000.000 đồng=55.000.000 đồng		0				0	118.250.000		118.250.000	
II	Khối Tiểu học			2.114.720.000	0	120.000.000	0	1.994.720.000	7.071.970.000	0	9.186.690.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	7 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác				
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
1	Trường TH An Nhơn Tây	- Máy Projector + màn chiếu + bút trình chiếu: 1 bộx35.000.000 đồng=35.000.000 đồng '- Máy tính xách tay: 1 cáix15.000.000 đồng=15.000.000 đồng	- Máy Projector + màn chiếu + bút trình chiếu: 1 bộx35.000.000 đồng=35.000.000 đồng '- Máy tính xách tay: 1 cáix15.000.000 đồng=15.000.000 đồng	50.000.000	0		0	50.000.000	0		50.000.000	
2	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	- Bộ bàn ghế học sinh 01 chỗ: 180 bộx1.570.000 đồng=282.600.000 đồng	- Bộ bàn ghế học sinh 01 chỗ: 180 bộx1.570.000 đồng=282.600.000 đồng	282.600.000	0		0	282.600.000			282.600.000	
3	Trường TH Tân Thạnh Đông	- Máy vi tính để bàn: 7 bộx12.650.000 đồng=88.550.000 đồng '- Bàn để vi tính: 7 bộx1.850.000 đồng=12.950.000 đồng '- 01 Projectors và 01 màn chiếu: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng		0	0		0	0	132.000.000		132.000.000	
4	Trường TH An Phước	'- Máy Projector + màn chiếu: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng '- Máy in A4 (02 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng '- Máy vi tính văn phòng: 2 bộx12.650.000 đồng=25.300.000 đồng '- Máy vi tính phục vụ giảng dạy : 40 bộx12.650.000 đồng=506.000.000 đồng	'- Máy Projector + màn chiếu: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng '- Máy in A4 (02 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng	41.500.000			0	41.500.000	531.300.000		572.800.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	8 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác				
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
5	Trường TH Thị Trấn Cù Chi 2	- Trang trí nhà trường theo Điều lệ trường Tiểu học 120 triệu đồng: 1 htx120.000.000 đồng=120.000.000 đồng '- Bộ máy vi tính (dùng cho học sinh): 35 bộx12.650.000 đồng=442.750.000 đồng '- Bàn ghế máy vi tính cho học sinh loại 2 chỗ : 20 bộx3.670.000 đồng=73.400.000 đồng '- Bàn ghế giáo viên phòng vi tính: 1 bộx4.350.000 đồng=4.350.000 đồng '- Trang bị hệ thống mạng, dây điện, ổ cắm ...: 1 htx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng	- Trang trí nhà trường theo Điều lệ trường Tiểu học 120 triệu đồng: 1 htx120.000.000 đồng=120.000.000 đồng	120.000.000	0	120.000.000	0	0	558.150.000		678.150.000	
6	Trường TH Bình Mỹ 2	- Máy vi tính học sinh: 16 bộx12.650.000 đồng=202.400.000 đồng '- Máy vi tính giáo viên giảng dạy: 1 bộx12.650.000 đồng=12.650.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy tính học sinh (loại 02 chỗ): 8 bộx3.670.000 đồng=29.360.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy vi tính giáo viên: 1 bộx3.630.000 đồng=3.630.000 đồng '- Hệ thống dây điện, dây mạng, ổ cắm,...: 1 htx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng		0	0	0	0	0	273.040.000	0	273.040.000	
7	Trường TH Lê Thị Pha	- Bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi: 50 bộx1.570.000 đồng=78.500.000 đồng	- Bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi: 50 bộx1.570.000 đồng=78.500.000 đồng	78.500.000	0	0	0	78.500.000	0		78.500.000	
8	Trường TH An Phú 1	- Bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi: 140 bộx1.570.000 đồng=219.800.000 đồng	- Bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi: 140 bộx1.570.000 đồng=219.800.000 đồng	219.800.000	0	0	0	219.800.000	0	0	219.800.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	9 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bản trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
9	Trường TH Tân Thành	- Máy vi tính học sinh (trang bị cho 03 phòng): 105 bộx12.650.000 đồng=1.328.250.000 đồng '- Máy chủ: 3 bộx20.350.000 đồng=61.050.000 đồng '- Máy chiếu + màn chiếu : 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng '- Máy vi tính văn phòng: 10 bộx12.650.000 đồng=126.500.000 đồng '- Tủ vi màn hình lớn: 3 cáix22.500.000 đồng=67.500.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy tính học sinh (loại 02 chỗ): 18 bộx3.670.000 đồng=66.060.000 đồng '- Hệ thống dây điện, dây mạng, ổ cắm,...: 2 htx25.000.000 đồng=50.000.000 đồng		0	0	0	0	0	1.729.860.000		1.729.860.000	
10	Trường TH Nhuận Đức 2	- Máy in A4 (2 mặt): 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng '- Tủ nhiều ngăn (thư viện): 1 cáix5.280.000 đồng=5.280.000 đồng '- Tủ kính (sách tham khảo): 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng '- Tủ sách di động: 2 cáix5.720.000 đồng=11.440.000 đồng '- Máy tính để Bàn: 2 bộx12.650.000 đồng=25.300.000 đồng '- Máy tính xách tay: 1 cáix15.000.000 đồng=15.000.000 đồng '- Máy chiếu + màn chiếu: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng '- Dàn âm thanh sinh hoạt ngoài trời: 1 bộx55.000.000 đồng=55.000.000 đồng '- Tủ đựng hồ sơ (sắt): 3 cáix3.850.000 đồng=11.550.000 đồng	- Máy in A4 (2 mặt): 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng '- Tủ nhiều ngăn (thư viện): 1 cáix5.280.000 đồng=5.280.000 đồng '- Tủ kính (sách tham khảo): 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng '- Tủ sách di động: 2 cáix5.720.000 đồng=11.440.000 đồng	27.720.000	0	0	0	27.720.000	137.350.000	0	165.070.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	10 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác				
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
11	Trường TH Liên Minh Công Nông	- Máy in A4 (2 mặt): 2 cái x 5.500.000 đồng = 11.000.000 đồng *- Máy tính để Bàn: 2 bộ x 12.650.000 đồng = 25.300.000 đồng *- Máy Projector + màn chiếu: 1 bộ x 30.500.000 đồng = 30.500.000 đồng *- Máy tính xách tay: 1 cái x 15.950.000 đồng = 15.950.000 đồng	- Máy in A4 (2 mặt): 2 cái x 5.500.000 đồng = 11.000.000 đồng	11.000.000	0	0	0	11.000.000	70.800.000	0	81.800.000	
12	Trường TH Hòa Phú	- Máy vi tính học sinh: 40 bộ x 12.650.000 đồng = 506.000.000 đồng *- Máy chủ: 1 bộ x 20.350.000 đồng = 20.350.000 đồng		0		0	0	0	526.350.000		526.350.000	
13	Trường TH Tân Thông	- Bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi: 500 bộ x 1.570.000 đồng = 785.000.000 đồng	- Bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi: 500 bộ x 1.570.000 đồng = 785.000.000 đồng	785.000.000	0	0	0	785.000.000	0		785.000.000	
14	Trường TH Thị Trấn Cù Chi	- Máy in A4 (2 mặt): 1 cái x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng *- Máy tính để Bàn: 1 bộ x 12.650.000 đồng = 12.650.000 đồng *- Máy tính xách tay: 1 cái x 15.000.000 đồng = 15.000.000 đồng *- Máy lạnh 2HP: 3 cái x 19.800.000 đồng = 59.400.000 đồng *- Màn hình LCD 21 inch trang bị phòng vi tính: 1 cái x 3.500.000 đồng = 3.500.000 đồng	- Máy in A4 (2 mặt): 1 cái x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng	5.500.000	0	0	0	5.500.000	90.550.000		96.050.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	11 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
15	Trường TH Tân Phú Trung	- Bộ bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi: 70 bộx1.570.000 đồng=109.900.000 đồng - Trang bị hệ thống âm thanh hội trường (cơ sở chính) : 1 bộx55.000.000 đồng=55.000.000 đồng - Trang bị hệ thống âm thanh sinh hoạt dưới cờ (cơ sở chính, phân hiệu Sơn Lộc, Bến Đò): 2 bộx55.000.000 đồng=110.000.000 đồng - Tivi 60 inch để ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy: 20 cáix32.000.000 đồng=640.000.000 đồng - Tủ đựng hồ sơ, đồ dùng dạy học cho các lớp học: 25 cáix4.500.000 đồng=112.500.000 đồng - Máy lạnh cho phòng tin học (phân hiệu Sơn Lộc): 2 cáix19.800.000 đồng=39.600.000 đồng	- Bộ bàn ghế học sinh 01 chỗ ngồi: 70 bộx1.570.000 đồng=109.900.000 đồng	109.900.000	0	0	0	109.900.000	957.100.000		1.067.000.000	
16	Trường TH An Phú 2	- Máy vi tính học sinh: 35 bộx12.650.000 đồng=442.750.000 đồng - Máy vi tính giáo viên: 1 bộx12.650.000 đồng=12.650.000 đồng - Bộ bàn ghế để máy tính học sinh (loại 02 chỗ): 20 bộx3.670.000 đồng=73.400.000 đồng - Bộ bàn ghế để máy vi tính giáo viên: 1 bộx4.350.000 đồng=4.350.000 đồng - Máy lạnh: 2 cáix19.800.000 đồng=39.600.000 đồng - Hệ thống dây điện, dây mạng, ổ cắm,...: 1 htx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng		0	0	0	0	0	597.750.000		597.750.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	12 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
17	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	- Máy vi tính học sinh: 40 bộx12.650.000 đồng=506.000.000 đồng '- Máy vi tính giáo viên: 1 bộx12.650.000 đồng=12.650.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy tính học sinh (loại 02 chỗ): 20 bộx3.670.000 đồng=73.400.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy vi tính giáo viên: 1 bộx3.630.000 đồng=3.630.000 đồng '- Máy lạnh: 2 cáix19.800.000 đồng=39.600.000 đồng '- Hệ thống dây điện, dây mạng, ổ cắm,...: 1 htx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng		0	0	0	0	0	660.280.000		660.280.000	
18	Trường TH Bình Mỹ	- Bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi: 110 bộx1.570.000 đồng=172.700.000 đồng	- Bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi: 110 bộx1.570.000 đồng=172.700.000 đồng	172.700.000	0	0	0	172.700.000	0		172.700.000	
19	Trường TH Phước Hiệp	- Bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi: 100 bộx1.570.000 đồng=157.000.000 đồng	- Bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi: 100 bộx1.570.000 đồng=157.000.000 đồng	157.000.000	0	0	0	157.000.000	0		157.000.000	
20	Trường TH Trung Lập Thượng	- Máy chiếu Projector + màn chiếu: 2 bộx30.500.000 đồng=61.000.000 đồng		0	0	0	0	0	61.000.000	0	61.000.000	
21	Trường TH Trần Văn Châm	- Máy lạnh phòng thư viện, phòng tin học: 6 cáix19.800.000 đồng=118.800.000 đồng		0	0	0	0	0	118.800.000		118.800.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	13 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bản trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
22	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	- Máy vi tính học sinh: 35 bộx12.650.000 đồng=442.750.000 đồng '- Máy vi tính giáo viên: 1 bộx12.650.000 đồng=12.650.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy tính học sinh (loại 02 chỗ): 18 bộx3.670.000 đồng=66.060.000 đồng '- Bộ bàn ghế để máy vi tính giáo viên: 1 bộx3.630.000 đồng=3.630.000 đồng '- Máy lạnh: 2 cáix19.800.000 đồng=39.600.000 đồng '- Hệ thống dây điện, dây mạng, ổ cắm,...: 1 ltx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng		0	0	0	0	0	589.690.000		589.690.000	
23	Trường NDTEKT	'- Máy tính xách tay: 1 cáix15.000.000 đồng=15.000.000 đồng '- Bảng từ (bảng lớp): 10 cáix3.850.000 đồng=38.500.000 đồng - Máy tính để Bàn: 3 bộx12.650.000 đồng=37.950.000 đồng	'- Máy tính xách tay: 1 cáix15.000.000 đồng=15.000.000 đồng '- Bảng từ (bảng lớp): 10 cáix3.850.000 đồng=38.500.000 đồng	53.500.000	0	0	0	53.500.000	37.950.000		91.450.000	
III	Khối THCS			2.894.800.000	0	0	0	2.894.800.000	8.936.720.000	0	11.831.520.000	
1	Trường THCS Hòa Phú	- Bàn ghế cho học sinh 02 chỗ: 240 bộx2070.000 đồng=496.800.000 đồng - Máy vi tính phòng tin học: 15 bộx12.650.000 đồng=189.750.000 đồng '- Máy chiếu + màn chiếu: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng '- Tủ vi thông minh 50inch: 1 cáix22.500.000 đồng=22.500.000 đồng	- Bàn ghế cho học sinh 02 chỗ: 240 bộx2070.000 đồng=496.800.000 đồng	496.800.000	0	0	0	496.800.000	242.750.000		739.550.000	
2	Trường THCS Tân Thông Hội	- Bàn ghế cho học sinh 02 chỗ: 135 bộx2.070.000 đồng=279.450.000 đồng	- Bàn ghế cho học sinh 02 chỗ: 135 bộx2.070.000 đồng=279.450.000 đồng	279.450.000	0	0	0	279.450.000	0		279.450.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	14 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
3	Trường THCS Tân Phú Trung	- Bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 90 bộx2.070.000 đồng=186.300.000 đồng '- Bộ bàn ghế giáo viên : 5 bộx3.685.000 đồng=18.425.000 đồng '- Bộ máy tính cho cơ sở 2: 50 bộx12.650.000 đồng=632.500.000 đồng '- Bộ bàn ghế phòng tin học cơ sở 2 (loại 02 chỗ): 26 bộx3.670.000 đồng=95.420.000 đồng	- Bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 90 bộx2.070.000 đồng=186.300.000 đồng '- Bộ bàn ghế giáo viên : 5 bộx3.685.000 đồng=18.425.000 đồng	204.725.000	0	0	0	204.725.000	727.920.000		932.645.000	
4	Trường THCS Phú Hòa Đông	- Bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 100 bộx2.070.000 đồng=207.000.000 đồng '- Bộ bàn ghế giáo viên : 5 bộx3.685.000 đồng=18.425.000 đồng '- Máy tính cho văn phòng: 7 bộx12.650.000 đồng=88.550.000 đồng	- Bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 100 bộx2.070.000 đồng=207.000.000 đồng '- Bộ bàn ghế giáo viên : 5 bộx3.685.000 đồng=18.425.000 đồng	225.425.000	0	0	0	225.425.000	88.550.000		313.975.000	
5	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	- Bộ máy vi tính (dùng cho học sinh): 50 bộx12.650.000 đồng=632.500.000 đồng '- Bộ máy vi tính cho giáo viên: 1 bộx12.650.000 đồng=12.650.000 đồng '- Bàn ghế máy vi tính cho học sinh loại 2 chỗ : 25 bộx3.670.000 đồng=91.750.000 đồng '- Bàn ghế giáo viên phòng vi tính: 1 bộx4.350.000 đồng=4.350.000 đồng '- Trang bị hệ thống mạng, dây điện, ổ cắm: 1 htx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng		0	0	0	0	0	766.250.000		766.250.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	15 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bản trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa Thư viện điện tử, băng tương tác (30% giá trị)	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Băng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác				
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
6	Trường THCS Tân An Hội	- Máy in A4 (2 mặt): 2 cái x 5.500.000 đồng = 11.000.000 đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 1 cái x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng '- Bộ máy vi tính (dùng cho học sinh): 45 bộ x 12.650.000 đồng = 569.250.000 đồng '- Bộ máy vi tính cho giáo viên: 1 bộ x 12.650.000 đồng = 12.650.000 đồng '- Bàn ghế máy vi tính cho học sinh loại 2 chỗ: 25 bộ x 3.670.000 đồng = 91.750.000 đồng '- Bàn ghế giáo viên phòng vi tính: 1 bộ x 4.350.000 đồng = 4.350.000 đồng '- Trang bị hệ thống mạng, dây điện, ổ cắm ...: 1 htx x 25.000.000 đồng = 25.000.000 đồng '- Máy chiếu + màn chiếu: 2 bộ x 30.500.000 đồng = 61.000.000 đồng '- Lắp đặt hệ thống âm thanh loa phòng cổ định (ngoài trời) phát thông báo đến từng lớp học, sinh hoạt (lễ hội ngoài sân trường): 1 htx x 55.000.000 đồng = 55.000.000 đồng	- Máy in A4 (2 mặt): 2 cái x 5.500.000 đồng = 11.000.000 đồng	11.000.000	0	0	0	11.000.000	824.500.000		835.500.000	
7	Trường THCS Thị Trấn	- Máy in A4 (2 mặt): 1 cái x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng '- Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 100 bộ x 2.070.000 đồng = 207.000.000 đồng '- Máy vi tính văn phòng: 5 bộ x 12.650.000 đồng = 63.250.000 đồng '- Đàn Organ: 1 cái x 9.350.000 đồng = 9.350.000 đồng	- Máy in A4 (2 mặt): 1 cái x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng '- Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 100 bộ x 2.070.000 đồng = 207.000.000 đồng	212.500.000	0	0	0	212.500.000	72.600.000		285.100.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	16 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bản trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
8	Trường THCS Tân Tiến	- Bộ máy vi tính (dùng cho học sinh): 65 bộx12.650.000 đồng=822.250.000 đồng '- Bộ máy vi tính cho giáo viên: 2 bộx12.650.000 đồng=25.300.000 đồng '- Bàn ghế máy vi tính cho học sinh loại 2 chỗ : 50 bộx3.670.000 đồng=183.500.000 đồng '- Bàn ghế giáo viên phòng vi tính: 2 bộx4.350.000 đồng=8.700.000 đồng '- Trang bị hệ thống mạng, dây điện, ổ cắm ...: 2 htx25.000.000 đồng=50.000.000 đồng		0	0	0	0	0	1.089.750.000		1.089.750.000	
6	Trường THCS Trung Lập Hạ	- Loa thùng Guinness: 4 cáix10.500.000 đồng=42.000.000 đồng '- Amply Paramax 500W: 2 cáix8.500.000 đồng=17.000.000 đồng '- Bộ thu âm thanh + 02 micro: 2 bộx3.500.000 đồng=7.000.000 đồng '- Pass gắn loa: 4 bộx500.000 đồng=2.000.000 đồng '- Pass gắn amply: 2 bộx600.000 đồng=1.200.000 đồng '- Dây loa: 20 mxx50.000 đồng=1.000.000 đồng '- Micro bục phát biểu: 1 cáix3.500.000 đồng=3.500.000 đồng '- Thùng rác 240 lít: 5 cáix2.420.000 đồng=12.100.000 đồng '- Máy điều hòa nhiệt độ 1.5hp: 2 cáix19.800.000 đồng=39.600.000 đồng		0	0	0	0	0	125.400.000		125.400.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	17 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác				
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
7	Trường THCS Tân Thạnh Tây	- Tủ đựng hồ sơ: 10 cái x 4.500.000 đồng = 45.000.000 đồng - Bàn vi tính: 5 cái x 3.850.000 đồng = 19.250.000 đồng - Giá vẽ: 10 cái x 215.000 đồng = 2.150.000 đồng - Bàn ghế: 10 bộ x 450.000 đồng = 4.500.000 đồng - Máy vi tính: 10 bộ x 12.650.000 đồng = 126.500.000 đồng	- Tủ đựng hồ sơ: 10 cái x 4.500.000 đồng = 45.000.000 đồng	45.000.000	0	0	0	45.000.000	152.400.000		197.400.000	
8	Trường THCS An Nhơn Tây	- Máy vi tính văn phòng: 5 bộ x 12.650.000 đồng = 63.250.000 đồng		0	0	0	0	0	63.250.000		63.250.000	
9	Trường THCS Phạm Văn Cội	- Bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 200 bộ x 2.070.000 đồng = 414.000.000 đồng	- Bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi: 200 bộ x 2.070.000 đồng = 414.000.000 đồng	414.000.000	0	0	0	414.000.000			414.000.000	
10	Trường THCS Tân Thạnh Đông	- Bộ bàn ghế 02 chỗ ngồi: 100 bộ x 2.070.000 đồng = 207.000.000 đồng - Máy vi tính mới phục vụ môn tin học: 90 bộ x 12.650.000 đồng = 1.138.500.000 đồng - Máy chủ: 2 bộ x 26.400.000 đồng = 52.800.000 đồng - Ghế ngồi: 90 cái x 450.000 đồng = 40.500.000 đồng - Máy điều hòa 2HP: 3 cái x 19.800.000 đồng = 59.400.000 đồng	- Bộ bàn ghế 02 chỗ ngồi: 100 bộ x 2.070.000 đồng = 207.000.000 đồng	207.000.000	0	0	0	207.000.000	1.291.200.000		1.498.200.000	
11	Trường THCS Phước Thạnh	- Máy vi tính mới phục vụ môn tin học: 45 bộ x 12.650.000 đồng = 569.250.000 đồng - Máy chủ: 1 bộ x 26.400.000 đồng = 26.400.000 đồng		0	0	0	0	0			595.650.000	
									595.650.000			

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	18 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
12	Trường THCS Phước Hiệp	- Máy vi tính mới phục vụ môn tin học: 15 bộx12.650.000 đồng=189.750.000 đồng		0	0	0	0	0	189.750.000		189.750.000	
13	Trường THCS Phước Vĩnh An	- Bộ bàn ghế 02 chỗ ngồi: 100 bộx2.070.000 đồng=207.000.000 đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng '- Máy vi tính mới phục vụ môn tin học: 45 bộx12.650.000 đồng=569.250.000 đồng '- Máy chủ: 1 bộx26.400.000 đồng=26.400.000 đồng	- Bộ bàn ghế 02 chỗ ngồi: 100 bộx2.070.000 đồng=207.000.000 đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng	218.000.000	0	0	0	218.000.000	606.650.000		824.650.000	
14	Trường THCS Trung Lập Thượng	- Máy in A4 (2 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng '- Máy in A4 (2 mặt): 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng - Máy vi tính mới phục vụ môn tin học: 90 bộx12.650.000 đồng=1.138.500.000 đồng '- Máy chủ: 2 bộx26.400.000 đồng=52.800.000 đồng '- Máy chiếu + màn chiếu: 1 bộx30.500.000 đồng=30.500.000 đồng '- Tivi màn hình lớn: 2 cáix32.000.000 đồng=64.000.000 đồng	- Máy in A4 (2 mặt): 2 cáix5.500.000 đồng=11.000.000 đồng	11.000.000	0	0	0	11.000.000	1.291.300.000		1.302.300.000	
15	Trường THCS Thị trấn 2	- Bàn ghế học sinh loại 02 chỗ: 200 bộx2070.000 đồng=414.000.000 đồng '- Bàn ghế giáo viên: 40 bộx3.680.000 đồng=147.400.000 đồng - Màn hình tương tác: 1 bộx65.000.000 đồng=65.000.000 đồng '- Máy chiếu Projector (Máy + màn): 2 bộx30.500.000 đồng=61.000.000 đồng	- Bàn ghế học sinh loại 02 chỗ: 200 bộx2070.000 đồng=414.000.000 đồng '- Bàn ghế giáo viên: 40 bộx3.680.000 đồng=147.400.000 đồng	561.400.000	0	0	0	561.400.000	126.000.000		687.400.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	19 Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2021, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị (các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất)	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Bảng tương tác (70% giá trị); thiết bị mạng máy vi tính	Bàn ghế và các tài sản khác		Thư viện điện tử, bảng tương tác (30% giá trị)		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	13
16	Trường TH-THCS Tân Trung	- Máy vi tính phòng tin học: 45 bộx12.650.000 đồng=569.250.000 đồng '- Máy vi tính giáo viên: 1 bộx12.650.000 đồng=12.650.000 đồng '- Hệ thống mạng, dây điện, ổ cắm...: 1 htx25.000.000 đồng=25.000.000 đồng		0	0	0	0	0	606.900.000		606.900.000	
17	Trường THCS Nhuận Đức	- Máy in A4 (02 mặt): 1 cáix5.500.000 đồng=5.500.000 đồng '- Máy scan: 1 cáix6.500.000 đồng=6.500.000 đồng '- Máy vi tính văn phòng: 6 bộx12.650.000 đồng=75.900.000 đồng	- Máy in 03 trong 1: 1 cáix8.500.000 đồng=8.500.000 đồng	8.500.000	0	0	0	8.500.000	75.900.000		84.400.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG HỢP KINH PHÍ

SỬA CHỮA TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2021

(Đính kèm Quyết định số 5087/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Năm 2021		4.279.933.304	
A	Các công trình có giá trị $\geq 200.000.000$ đồng		3.842.749.449	
I	Khối Mầm non		1.095.540.000	
1	Trường MN Phú Hòa Đông	Khu vực nhà bếp: Ốp gạch các bề chia, chế biến thức ăn. Thay mới cửa nhà vệ sinh giáo viên.	257.240.000	
2	Trường MN Thị Trấn Củ Chi	Lớp lá 1,2: Thay la thông nhựa bằng trần tole lạnh; cải tạo hệ thống điện đèn quạt, sơn lại tường trong. Lớp chồi 1, mầm 1: chống dột mái, cải tạo lại hệ thống điện đèn quạt; sơn lại tường trong của 2 phòng. Khu vệ sinh 4 lớp: Thay 12 bồn cầu cho học sinh, cải tạo khu rửa chân cho các bé. Phân hiệu KP3: xây bức tường riêng. Phân hiệu KP4: nâng nền sân trường. Phân hiệu KP6: Thay mái ngói thành mái tole, đóng trần tole lạnh, sơn lại toàn bộ trường.	838.300.000	

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
I	2	3	4	5
II	Khối tiểu học		2.747.209.449	
1	Trường TH An Nhơn Tây	Cải tạo nhà vệ sinh học sinh các tầng; chống thấm sàn mái bằng tole và màng khô; sơn lại tường trần bị thấm dột; sửa chữa hệ thống điện hành lang các tầng	932.209.449	
2	TH Phạm Văn Cội	Sửa chữa cải tạo nhà vệ sinh (hệ thống cấp thoát nước, thay các thiết bị điện bị hư, cải tạo hệ thống điện, đèn; thay trần thạch cao bằng tole lạnh, cải tạo nền và lát gạch).	1.015.000.000	
3	Trường TH Tân Thạnh Tây	Phá dỡ hệ thống lam bê tông, gắn hệ thống lam nhôm bên ngoài cửa sổ chống trời mưa nước chảy vào các lớp học.	800.000.000	
B	Các công trình còn lại		437.183.855	
I	Khối Mầm non		301.707.653	
1	Trường MN Tân Phú Trung 2	Điểm học tại Ấp Láng Cát, xã Tân Phú Trung: thay mái tôn che sân	41.109.000	

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Trường MN Tân Thông Hội 1	Sửa chữa, cải tạo trụ cổng trường (cổng phụ) Xử lý vết nứt, sơn lại toàn bộ tường trong nhà bếp. Sửa chữa cải tạo nền sân trước (40 m2)	54.986.653	
3	Trường MN Tân Thông Hội 2	Khu vực bếp: Sơn dầu lại tường trong, ốp gạch kê bếp, lát lại nền gạch khu vực rửa. Chống thấm, chống dột lớp chõ 5	82.039.000	
4	Trường MN Tân An Hội 1	Thay thiết bị 06 bồn cầu, sửa chữa 05 cái bồn cầu, cải tạo hệ thống thoát nước và cải tạo hầm tự hoại nhà vệ sinh học sinh.	123.573.000	
II	Khối THCS		135.476.202	
1	Trường THCS Tân Thông Hội	Tháo gạch đá ốp mặt dựng sảnh bị rớt, sơn nước lại phần đá ốp sau khi tháo.	52.078.202	
2	Trường THCS Bình Hòa	Xây mới hàng rào chống ngập cao 60cm dài khoảng 34m	83.398.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
BỔ SUNG KINH PHÍ MUA SẮM, SỬA CHỮA TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC HUYỆN NĂM 2021

ính kèm Quyết định số 5087/QĐ- UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện
Đvt: đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí	Mua sắm	Sửa chữa
	Tổng cộng	10.000.134.304	5.720.201.000	4.279.933.304
I	Ban Quản lý DAĐTXD KV huyện	9.442.950.449	5.600.201.000	3.842.749.449
II	Khối Mầm non	301.707.653	0	301.707.653
1	Trường MN Tân An Hội 2	0	0	0
2	Trường MN Hòa Phú	0	0	0
3	Trường MN Tân Phú Trung 2	41.109.000	0	41.109.000
4	Trường MN Tân Thông Hội 1	54.986.653	0	54.986.653
5	Trường MN Phú Hòa Đông	0	0	0
6	Trường MN Tân Thông Hội 3	0	0	0
7	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	0	0	0
8	Trường MN An Nhơn Tây	0	0	0
9	Trường MN Thị Trấn Củ Chi 1	0	0	0
10	Trường MN Thị Trấn Củ Chi 3	0	0	0
11	Trường MN Tân Thạnh Tây	0	0	0
12	Trường MN Tây Bắc	0	0	0
13	Trường MN Phạm Văn Cội 1	0	0	0
14	Trường MN Tân Thạnh Đông	0	0	0
15	Trường MN Phước Hiệp	0	0	0
16	Trường MN Phước Vĩnh An	0	0	0
17	Trường MN Trung An 2	0	0	0
18	Trường MN Tân Thông Hội 2	82.039.000	0	82.039.000
19	Trường MN Trung Lập Thượng	0	0	0
20	Trường MN Tân An Hội 1	123.573.000	0	123.573.000
III	Khối Tiểu học	120.000.000	120.000.000	0
1	Trường TH An Nhơn Tây	0	0	0
2	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	0	0	0
3	Trường TH Tân Thạnh Đông	0	0	0
4	Trường TH An Phước	0	0	0
5	Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2	120.000.000	120.000.000	0
6	Trường TH Bình Mỹ 2	0	0	0
7	Trường TH Lê Thị Pha	0	0	0
8	Trường TH An Phú 1	0	0	0

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí	Mua sắm	Sửa chữa
9	Trường TH Tân Thành	0	0	0
10	Trường TH Nhuận Đức 2	0	0	0
11	Trường TH Liên Minh Công Nông	0	0	0
12	Trường TH Hòa Phú	0	0	0
13	Trường TH Tân Thông	0	0	0
14	Trường TH Thị Trấn Củ Chi	0	0	0
15	Trường TH Tân Phú Trung	0	0	0
16	Trường TH An Phú 2	0	0	0
17	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	0	0	0
18	Trường TH Bình Mỹ	0	0	0
19	Trường TH Phước Hiệp	0	0	0
20	Trường TH Trung Lập Thượng	0	0	0
21	Trường TH Trần Văn Châm	0	0	0
22	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	0	0	0
23	Trường NDTEKT	0	0	0
	Khối THCS	135.476.202	0	135.476.202
24	Trường THCS Hòa Phú	0	0	0
25	Trường THCS Tân Thông Hội	52.078.202	0	52.078.202
26	Trường THCS Tân Phú Trung	0	0	0
27	Trường THCS Phú Hòa Đông	0	0	0
28	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	0	0	0
29	Trường THCS Tân An Hội	0	0	0
30	Trường THCS Thị Trấn	0	0	0
31	Trường THCS Tân Tiến	0	0	0
32	Trường THCS Trung Lập Hạ	0	0	0
33	Trường THCS Tân Thạnh Tây	0	0	0
34	Trường THCS An Nhơn Tây	0	0	0
35	Trường THCS Phạm Văn Cội	0	0	0
36	Trường THCS Tân Thạnh Đông	0	0	0
37	Trường THCS Phước Thạnh	0	0	0
38	Trường THCS Phước Hiệp	0	0	0
39	Trường THCS Phước Vĩnh An	0	0	0
40	Trường THCS Trung Lập Thượng	0	0	0
41	Trường THCS Thị trấn 2	0	0	0
42	Trường TH-THCS Tân Trung	0	0	0
43	Trường THCS Nhuận Đức	0	0	0
44	Trường THCS Bình Hòa	83.398.000	0	83.398.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN